TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 23/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan T, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Tổ 6, ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn G, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Tổ 6, ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phan T trình bày:

Ông Phan T và bà Nguyễn G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Đến năm 2003, ông T và bà G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, quyển số 07 ngày 09/12/2003. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Quá trình chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn ông T nhận thấy tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài,

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà G. Khoảng tháng 09/2023, ông T có đánh đập bà G nên bà G đã dọn về nhà mẹ ruột ở ấp M, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương ở một thời gian. Đến khoảng cuối tháng 12/2022, bà G dọn đồ về lại nhà ông T ở cho đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không hàn gắn được.

Về con chung: Ông Phan T và bà Nguyễn G có 03 người con chung tên: Phan L, sinh ngày 04/7/2002; Phan N, sinh ngày 16/10/2004 và Phan M, sinh ngày 19/11/2008.

Đối với cháu Phan L và Phan N, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Phan M, ông Phan T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan M và không yêu cầu bà Nguyễn G phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan T không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản sao Căn cước công dân mang tên Phan T, Nguyễn G; Sổ hộ khẩu do Phan T đứng tên chủ hộ; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và Trích lục; Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy khai sinh.

Bị đơn bà Nguyễn G: Bà G thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Bà G và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Đến năm 2003, bà G và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, quyển số 07 ngày 09/12/2003. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện.

Đến khoảng đầu năm 2022, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng đã không còn hạnh phúc, do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông T thường xuyên đánh đập bà G cũng thỉnh thoảng chơi cờ bạc, đá gà, rượu chè. Ngoài ra, ông T còn có quan hệ người phụ nữ khác.

Khoảng tháng 09/2023, ông T có đánh đập bà G nên bà G đã dọn về nhà mẹ ruột ở ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã C, tỉnh Bình Dương ở một thời gian. Đến khoảng cuối tháng 12/2022, bà G dọn đồ về lại nhà ông T ở cho đến nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T, bà G không đồng ý vì còn thương chồng con.

Về con chung: Bà Nguyễn G và ông Phan T có 03 người con chung tên: Phan L, sinh ngày 04/7/2002; Phan N, sinh ngày 16/10/2004 và Phan M, sinh ngày 19/11/2008.

Đối với cháu Phan L và Phan N, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Phan M, trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà Nguyễn G đồng ý để ông Phan T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan M và bà Nguyễn G không phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn G không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Không.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại tổ 6, ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Phan T và bị đơn bà Nguyễn G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Phan T và bị đơn bà Nguyễn G trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, quyển số 07 ngày 09/12/2003 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và

Gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn ông Phan T và bị đơn bà Nguyễn G là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn xác định từ đầu năm 2022 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Khoảng tháng 09/2022, ông T có đánh đập bà G nên bà G đã dọn về nhà mẹ ruột ở ấp M, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương ở một thời gian. Đến khoảng cuối tháng 12/2022, bà G dọn đồ về lại nhà ông T ở cho đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Hiện tại, ông T xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà G. Bị đơn bà Nguyễn G trình bày mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng bà G vẫn còn thương yêu chồng con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc. Để đạt được mục đích này, vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để nguyên đơn và bị đơn nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tại Biên bản xác minh ngày 07/02/2023 của Toà án nhân dân thị xã C đối với lãnh đạo ấp S, xã Đ, thị xã C thể hiện: Bà G có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại tổ 6, ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Về cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà G có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do ông T thường xuyên cờ bạc, đá gà, rượu chè. Mặc khác, nguyên đơn ông T cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn G và đã được Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định đình chỉ số 184/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2022 lý do ông T rút đơn khởi kiện để ông T và bà G hàn gắn tình cảm và đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau khi ông T rút đơn giữa hai vợ chồng ông T và bà G cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 người con chung tên: Phan L, sinh ngày 04/7/2002; Phan N, sinh ngày 16/10/2004 và Phan M, sinh ngày 19/11/2008.

Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan M. Xét thấy, hiện tại cháu M đang chung sống cùng ông T và bà G. Tại Bản tự khai 17/01/2023, cháu Phan M có nguyện vọng muốn được sống cùng với ông T. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai bà G ngày 17/01/2023, bà G trình bày, trường hợp ly hôn, bà G cũng đồng ý cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan M. Do đó, việc giao cháu Phan M, sinh ngày 19/11/2008 cho ông T tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi cháu M. Toà án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn, 02 người con chung là cháu Phan L và Phan N đã trưởng thành, ông T và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông Phan T và bị đơn bà Nguyễn G không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan T về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn bà Nguyễn G.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan T được ly hôn với bà Nguyễn G.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/12/2003 cho ông Phan T và bà Nguyễn G không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phan M, sinh ngày 19/11/2008 cho ông Phan T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tài.

Bà Nguyễn G có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà Nguyễn G thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Phan L và Phan N đã trưởng thành, ông T và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phan T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001576 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã An Điền, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiều Oanh